

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 820/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 2738/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1531/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2751/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 (có yêu cầu vắng mặt)

HKTT: Số 5C Đường 21, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức (nay là phường Tam Bình), Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 34 Đường 3, Khu nhà ở H, Khu phố H, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

HKTT: Số 5C Đường 21, phường Bình Chiếu, thành phố Thủ Đức (nay là phường Tam Bình), Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 34 Đường 3, Khu nhà ở H, Khu phố H, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần T1

Địa chỉ: Tòa nhà T, số E đường L, phường T, quận H (nay là phường C), thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Anh H1, sinh năm 1990, địa chỉ: Lầu E, C Hậu Giang, Phường B, Quận F (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 (Giấy ủy quyền số 953/2025/GUQ-TPB.CM.KHCN ngày 26/3/2025) (có yêu cầu vắng mặt).

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Địa chỉ: Số B H, phường L, quận H (nay là phường H), thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1990, địa chỉ: Số A đường P, Phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Giấy ủy quyền số 147/UQ-TGD.25 ngày 17/3/2025) (có yêu cầu vắng mặt).

3. Công ty Cổ phần H5 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường D, Phường B, quận B, (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày tiếp theo của ông Nguyễn Văn S thì nội dung vụ án như sau:

Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H quen nhau từ năm 1998 đến đầu năm 2000 thì tiến tới hôn nhân được Ủy ban nhân xã H, huyện Ú, (nay là xã Ú), thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc, cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không được hòa thuận, bất đồng quan điểm. Bà H tự tách ra sống ly thân. Bà H thường xuyên bỏ nhà đi mà ông S và các con không biết đi đâu, làm gì, về nhà thì chỉ sống một mình trong phòng khóa trái cửa, hàng đêm các con ngủ chung với ông S. Sinh hoạt học tập, bệnh đau của các con đều do ông S chăm sóc.

Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thật ngột ngạt và không thể kéo dài được thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông S và bà H có 03 con chung là Nguyễn Phi A (nam), sinh ngày 14/09/2000 (đã trưởng thành), Nguyễn Phạm A1 (nam), sinh ngày 31/10/2009, Nguyễn Phạm Thiên A1 (nam), sinh ngày 10/03/2016. Ông S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Phạm A1, Nguyễn Phạm Thiên A1.

Ông S yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con 2.480.000 đồng/01 con/01 tháng, thực hiện từ tháng 10/2025 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Ông S và bà H có 05 tài sản chung gồm:

1. Quyền sử dụng đất có diện tích 80m² Tờ bản đồ số 71, Thửa 577 tọa lạc tại hẻm 941 Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 1.000.000.000đồng

2. Nhà và đất có diện tích 246 m² tọa lạc tại Số C Đường C, Khu nhà ở H, Khu phố H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 20.000.000.000đồng.

3. Xe ô tô Mercedes Biển số 59X2 – 551.44 có giá trị 1.000.000.000đồng

4. Xe mô tô Honda Biển số 59X2 551.44 có giá trị 10.000.000đồng

5. Xe mô tô Vespa Biển số 59X2 961.03 có giá trị 15.000.000đồng

Ông S yêu cầu nhận xe mô tô Honda Biển số 59X2 551.44 và hoàn số tiền 5.000.000 đồng lại cho bà H. Các tài sản còn lại ông S yêu cầu nhận bằng tiền với số tiền 11.075.000.000đồng.

Ngày 06/01/2025, ông S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Trong thời kì hôn nhân ông S và bà H có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 (T2) Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 916/2018/HDTD/TBB MN2/01 mua xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ C250; Màu xe: Đỏ; Số khung: RLMWF4FXXHV004657; Số máy: 27492031259801; Biển kiểm soát: 51G-044.33. Ngày 03/06/2025, ông S và bà H đã thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Đối với khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A2 (viết tắt là “A3”) ngày 28/09/2019, theo Hợp đồng cho vay từng lần số 2562/19/TD/I và ký Hợp đồng thế chấp số 2562QTS/19/TC/I với tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền tài sản phát sinh và liên quan từ Hợp đồng mua bán nhà số B2.10/2018/HDMB-HPI ngày 28/05/2018 đối với căn hộ nhà lô B2-10 Dự án khu nhà ở H tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ký giữ Công ty Cổ phần H5 và bà H. Ngày 17/08/2023, A3 đã bán khoản nợ trên cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam (viết tắt là “VAMC”) theo Hợp đồng mua bán nợ số 406/2023/MBN.VAMC-ABBANK. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa và ban hành Quyết định số 772/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Bị đơn bà Phạm Thị Thanh H2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng bà H2 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về nội dung giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 trình bày: Ông S và bà H2 có ký với Ngân hàng Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 916/2018/HDTD/TBB MN2/01 mua xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ C250; Màu xe: Đỏ; Số khung: RLMWF4FXXHV004657; Số máy: 27492031259801; Biển kiểm soát: 51G-044.33. Ngày 03/06/2025. Hiện nay, ông S và bà H2 đã thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam trình bày:

Ngày 28/09/2019, Ngân hàng và ông S, bà H2 đã theo Hợp đồng cho vay từng lần số 2562/19/TD/I và ký Hợp đồng thế chấp số 2562QTS/19/TC/I với tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền tài sản phát sinh và liên quan từ Hợp đồng mua

bán nhà số B2.10/2018/HDMB-HPI ngày 28/05/2018 đối với căn hộ nhà lô B2-10 Dự án khu nhà ở H tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ký giữ Công ty Cổ phần H5 và bà H2. Ngày 17/08/2023, A3 đã bán khoản nợ trên cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam (viết tắt là “VAMC”) theo Hợp đồng mua bán nợ số 406/2023/MBN.VAMC-ABBANK. Hiện nay, Ngân hàng đã khởi kiện tranh chấp vụ án dân sự và đã được Toà án nhân dân khu vực 2 – Thành phố H thụ lý, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần H5 có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhưng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S ly hôn và Phạm Thị Thanh H.

Về con chung: Ông S và bà H có 03 con chung là Nguyễn Phi A (nam), sinh ngày 14/09/2000 (đã trưởng thành), Nguyễn Phạm A1 (nam), sinh ngày 31/10/2009, Nguyễn Phạm Thiên A1 (nam), sinh ngày 10/03/2016. Giao 02 con chung Nguyễn Phạm Thiên A1 và Nguyễn Phạm A1 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H3 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.480.000 đồng/01 con/01 tháng, thực hiện từ tháng 10/2025 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông S.

Về nợ chung: Hiện nay các đương sự đã giải quyết xong về nợ chung.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Thanh H cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Đơn khởi kiện của ông S phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần T1, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Công ty Cổ phần H5 có đơn yêu cầu vắng mặt, nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Bị đơn bà Phạm Thị Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phạm Thị Thanh H.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ú, tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 Quyển 01 ngày 02/02/2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị Thanh H nhưng Tòa án không nhận được trả lời của bà, chứng tỏ bà không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Văn S.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông S, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của ông S thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cùng nhau chăm lo xây

dựng hạnh phúc gia đình. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không được hòa thuận, bất đồng quan điểm. Bà H tự tách ra sống ly thân. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, bà Phạm Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn S đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, ông S có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 647 Quyển Ba ngày 23/12/2009, Trích lục Giấy khai sinh số 307/TLKS-B3 ngày 09/5/2016 và Giấy khai sinh số 07 Quyển 01 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ú, tỉnh Hà Tây thì xác định ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H có 03 con chung là Nguyễn Phi A (nam), sinh ngày 14/09/2000 (đã trưởng thành), Nguyễn Phạm A1 (nam), sinh ngày 31/10/2009, Nguyễn Phạm Thiên A1 (nam), sinh ngày 10/03/2016. Ông S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Phạm A1, Nguyễn Phạm Thiên A1. Theo ông S trình bày thì hàng đêm các con ngủ chung với ông. Sinh hoạt học tập, bệnh đau của các con đều do ông S chăm sóc.

Do bà Phạm Thị Thanh H được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa, các con chung hiện do ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cùng có nguyện vọng được sống chung với ông S nên giao hai con chung cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông S yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con 2.480.000 đồng/01 con/01 tháng, thực hiện từ tháng 10/2025 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Ngày 06/01/2025, ông Nguyễn Văn S có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 80m² Tờ bản đồ số 71, Thửa 577 tọa lạc tại hẻm 941 Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà và đất có diện tích 246 m² tọa lạc tại Số C Đường C,

Khu nhà ở H, Khu phố H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Xe ô tô Mercedes Biển số 59X2 – 551.44, Xe mô tô Honda Biển số 59X2 551.44, Xe mô tô Vespa Biển số 59X2 961.03. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông S là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên đình chỉ đối với yêu cầu này của ông S.

Nợ chung: Đối với khoản nợ vay Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 (T2) Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 916/2018/HDTD/TBB MN2/01 mua xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ C250. Cả ông S và người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng đều trình bày ông S, bà H đã thanh toán xong khoản nợ trên, trình bày trên phù hợp với các chứng từ mà đương sự nộp tại Toà.

Đối với khoản nợ của ông S, bà H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A2 (viết tắt là “A3”) nay đã bán nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam, theo Hợp đồng cho vay từng lần số 2562/19/TD/I ngày 28/09/2019 và Hợp đồng thế chấp số 2562QTS/19/TC/I với tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền tài sản phát sinh và liên quan từ Hợp đồng mua bán nhà số B2.10/2018/HDMB-HPI ngày 28/05/2018 đối với căn hộ nhà lô B2-10 Dự án khu nhà ở H tại phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh ký giữa Công ty Cổ phần H5 và bà H. Ngày 12/9/2025, Toà án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên toà và ban hành Quyết định số 772/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Như vậy, khoản nợ trên đã được giải quyết. Ngoài ra, ông S khai không còn khoản nợ chung nào khác.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do ông Nguyễn Văn S rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên hoàn trả cho ông S số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025;

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Phí, lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 ly hôn bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1979.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H có 03 con chung là Nguyễn Phi A (nam), sinh ngày 14/09/2000 (đã trưởng thành), Nguyễn Phạm A1 (nam), sinh ngày 31/10/2009, Nguyễn Phạm Thiên A1 (nam), sinh ngày 10/03/2016. Giao hai con chung Nguyễn Phạm A1, Nguyễn Phạm Thiên A1 cho ông S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Phạm Thị Thanh H cấp dưỡng nuôi con 2.480.000 đồng/01 con/01 tháng, thực hiện từ tháng 10/2025 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn S về chia tài sản chung đối với các tài sản: Quyền sử dụng đất có diện tích 80m² Tờ bản đồ số 71, Thửa 577 tọa lạc tại hẻm 941 Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà và đất có diện tích 246 m² tọa lạc tại Số C Đường C, Khu nhà ở H, Khu phố H, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, Xe ô tô Mercedes Biển số 59X2 – 551.44, Xe mô tô Honda Biển số 59X2 551.44, Xe mô tô Vespa Biển số 59X2 961.03.

Nợ chung: Đã được giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 59.862.500 đồng ông S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0067492 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. H4 lại cho ông S 59.562.500 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh